BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO
Đẩy mạnh sản xuất, tiêu thụ, xuất khẩu nông sản trong điều kiện dịch Covid-19

(Tài liệu phục vụ Hội nghị thúc đẩy lưu thông, tiêu thụ nông sản trong bối cảnh phòng chống dịch Covid-19 ngày 13/9/2021)

Từ tháng 7, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, tại hầu hết các địa phương đặc biệt các tỉnh phía Nam; ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất, thu hoạch, lưu thông, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản tại nhiều địa phương, làm đứt gãy các chuỗi sản xuất, gây ùn ứ nông sản ở nhiều nơi. Đồng thời, gây khó khăn vướng mắc cho sản xuất, tiêu thụ và xuất khẩu. Có nguy cơ thiếu hụt lương thực, thực phẩm những tháng cuối năm, đặc biệt là dịp tết Nguyên đán. Trong bối cảnh đó, bám sát chỉ đạo của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã chủ động hướng dẫn các địa phương triển khai hiệu quả kế hoạch sản xuất, phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, các giải pháp hỗ trợ các địa phương đẩy mạnh tiêu thụ nông sản cả trong nước và xuất khẩu. Thực hiện Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 20/7/2021 của Chính phủ về phòng, chống dịch Covid-19, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thành lập hai Tổ công tác đặc biệt phía Nam và phía Bắc để chỉ đạo sản xuất, kết nối cung ứng tiêu thụ nông sản trong điều kiện thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 của Chính phủ. Đã thực hiện kết nối trên 1.400 đầu mối cung cấp nông sản và thực phẩm ở phía Nam và xây dựng dữ liệu 2.093 các đầu mối cung ứng nông sản phía Bắc. Hai Tổ công tác của Bộ đã phối hợp chặt chẽ với các bộ ngành liên quan, đặc biệt các địa phương triển khai thực hiện các giải pháp duy trì sản xuất tại những vùng phải thực hiện giãn cách xã hội, đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng sản xuất tại những vùng không bị giãn cách nhằm phục vụ tiêu thụ tại chỗ; bù đắp, cung ứng cho các địa phương sản xuất thiếu hụt do giãn cách xã hội; chuẩn bị khối lượng nông sản phục vụ cho giai đoạn hậu dịch Covid-19, Tết Nguyên Đán và phục vụ xuất khẩu

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP 8 THÁNG ĐẦU NĂM

1. Về trồng trọt

Bộ Nông nghiệp và PTNT tập trung chỉ đạo, hướng dẫn địa phương thực hiện một số giải pháp sản xuất trồng trọt (nhất là lúa) trong điều kiện dịch Covid - 19; bàn giải pháp chủ động giảm giá thành sản xuất lúa các tỉnh phía Nam; đã tổ chức Hội nghị trực tuyến đánh giá kết quả sản xuất Vụ Đông 2020 và triển khai kế hoạch Vụ Đông 2021 các tỉnh phía Bắc; theo dõi sát tình hình sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả; đặc biệt là sản lượng thu hoạch trong thời gian dịch Covid-19 để phục vụ công tác chỉ đạo sản xuất, hỗ trợ tiêu thụ nông sản.

a) Lúa gạo

*** Kế hoạch sản xuất lúa:**

- Năm 2021: Diện tích gieo trồng 7.266 nghìn ha, năng suất dự kiến 59,5 tạ/ha, sản lượng dự kiến trên **43,3 triệu** tấn thóc.

- Quý I/2022: Sản lượng dự kiến 12,7 triệu tấn (thu hoạch chủ yếu từ vụ Đông Xuân của các tỉnh phía Nam, vụ Đông Xuân các tỉnh phía Bắc chưa được thu hoạch)

*** Nhu cầu tiêu thụ:** (i) Tiêu thụ của người dân: 13,5 triệu tấn thóc (96 triệu người * 91,2 kg gạo/người/năm = 8,7 triệu tấn gạo); (ii) Xuất khẩu: Từ 6,5 - 6,7 triệu tấn gạo, tương đương 13-13,5 triệu tấn thóc; (iii) Phục vụ chế biến: 7,5 triệu tấn thóc; (iv) Phục vụ chăn nuôi: 3,4 triệu tấn thóc; (v) Dùng làm giống, giống dự phòng: 1,0 triệu tấn thóc; (vi) Dự trữ trong nước: 3,8 triệu tấn thóc.

*** Kết quả sản xuất**

Đến trung tuần tháng 8: cả nước gieo cấy đạt 6.755,4 nghìn ha, giảm 0,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, các địa phương phía Bắc đã gieo cấy được 2.302 nghìn ha, giảm khoảng 13,7 nghìn ha; các địa phương phía Nam đã gieo cấy được 4.453,5 nghìn ha, giảm khoảng 33,3 nghìn ha; đã thu hoạch khoảng 4.158,9 nghìn ha, giảm 1,6%; năng suất bình quân ước đạt gần 65 tạ/ha, tăng khoảng 2,1 tạ/ha; sản lượng thu hoạch đạt khoảng **27,03 triệu tấn**, tăng 1,6%.

b) Rau, màu

- Kế hoạch sản xuất: (i) Rau: năm 2021 khoảng 995 nghìn ha, năng suất 186 tạ/ha, sản lượng 18,5 triệu tấn, nhu cầu tiêu thụ khoảng 120 kg rau/người/năm; (ii) Quả: diện tích cây ăn quả dự kiến năm 2021 đạt trên 1.170 nghìn ha, tăng hơn 40 nghìn ha so năm 2020. Năng suất ước đạt hơn 10 tấn/ha. Tổng sản lượng quả các loại 8,5 triệu tấn (không tính cây dừa 1,7 triệu tấn).

- Kết quả sản xuất: (i) Rau: Sản lượng rau các loại 8 tháng năm 2021 đạt khoảng 12,5 triệu tấn, tăng 2,2%. Riêng khu vực phía Nam, sản lượng ước đạt 7,2 triệu tấn. Dự kiến những tháng còn lại sản lượng thu hoạch rau cả nước đạt khoảng 6 triệu tấn (các tỉnh phía Nam ước đạt khoảng trên 3,5 triệu tấn); (ii) Quả: Sản lượng thu hoạch trái cây chủ yếu (xoài, chuối, dứa, thanh long, cam, bưởi, nhãn, vải) cả nước 8 tháng đạt gần 6 triệu tấn, riêng khu vực phía Nam đạt gần 4,0 triệu tấn. Dự kiến sản lượng trái cây những tháng còn lại cả nước là gần 2,5 triệu tấn, các tỉnh phía Nam là khoảng 1,6 triệu tấn.

2. Về chăn nuôi

Bộ Nông nghiệp và PTNT thường xuyên nắm bắt tình hình sản xuất, nguồn cung, nhu cầu và khả năng điều tiết, tiêu thụ thực phẩm thiết yếu; kịp thời hướng dẫn, triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn; hỗ trợ các doanh nghiệp (DN) chăn nuôi trong vận chuyển sản phẩm liên tỉnh; cung cấp danh sách trang trại để kết nối cung-cầu thực phẩm.

Tổng hợp, đánh giá hiện trạng quản lý sản xuất thức ăn chăn nuôi trên cả nước và đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, ổn định phát triển sản xuất.

Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP), Viêm da nổi cục (VDNC) và Cúm gia cầm trên vật nuôi còn diễn biến phức tạp, Bộ Nông nghiệp và PTNT thường xuyên chỉ đạo các địa phương chủ động thực hiện nghiêm các biện pháp kiểm soát dịch bệnh trên vật nuôi.

- Kế hoạch sản xuất năm 2021: Sản lượng thịt các loại khoảng 6,2 triệu tấn, sản lượng trứng khoảng 16 tỷ quả, sản lượng sữa khoảng 1,2 triệu tấn.

- Đến tháng 8/2021 kết quả đạt được:

+ Tổng đàn lợn ước khoảng 26,67 triệu con, tăng 4,5%; đàn gia cầm quy mô 515 triệu con ước tăng 5,4%; đàn bò tăng khoảng 1,8%; riêng đàn trâu 2,4 triệu con giảm 3,8%; thức ăn chăn nuôi ước khoảng 13,6 triệu tấn tăng 5,5%.

+ Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt khoảng trên 4,5 triệu tấn, sản lượng trứng gia cầm đạt 11,4 tỷ quả, tăng 5%.

3. Về thủy sản

Bộ Nông nghiệp và PTNT thường xuyên theo dõi, chỉ đạo sản xuất giống, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường NTTS nhằm đảm bảo công tác phòng chống dịch bệnh, phục vụ sản xuất. Theo dõi, nắm bắt tình hình khai thác và hướng dẫn các địa phương tổ chức khai thác trong điều kiện phòng chống dịch COVID-19. Hướng dẫn, xử lý vướng mắc về chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác và quản lý tàu cá tại cảng không bị ảnh hưởng khi triển khai thực hiện các giải pháp chống khai thác bất hợp pháp IUU, tháo gỡ thẻ vàng của EC. Tổ chức hướng dẫn các nhà máy chế biến xuất khẩu thực hiện quy định của của nước nhập khẩu và công tác phòng chống dịch bệnh.

- Kế hoạch sản xuất năm 2021: Tổng sản lượng phấn đấu đạt 8,6 triệu tấn, trong đó: nuôi trồng 4,75 triệu tấn; khai thác 3,85 triệu tấn.

- Kết quả sản xuất 8 tháng đầu năm: Tổng sản lượng thủy sản cả nước ước đạt 5.692,5 nghìn tấn, tăng 1,4% so với cùng kỳ 2020. Trong đó: (i) Nuôi trồng: sản lượng đạt 2.987,7 nghìn tấn, tăng 1,8%. Cụ thể: cá các loại đạt 2.020,8 nghìn tấn, giảm 0,2%, riêng cá tra đạt 932,0 nghìn tấn, giảm 2 %; tôm các loại đạt 622,8 nghìn tấn, tăng 6,8%; (ii) Khai thác: Sản lượng ước đạt 2.704,8 nghìn tấn (khai thác biển đạt 2.581,0 nghìn tấn, tăng 0,9%).

- Dự kiến những tháng còn lại, tổng sản lượng thủy sản phấn đấu đạt 2,9 triệu tấn, trong đó nuôi trồng thủy sản là 1,75 triệu tấn, khai thác thủy sản là 1,15 triệu tấn.

4. Về lâm nghiệp

Bộ tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc công tác phòng chống cháy rừng; triển khai trồng rừng theo kế hoạch và trồng cây phân tán năm 2021. Đôn đốc các địa phương thực hiện nghiêm Công điện số 905/CĐ-TTg ngày 01/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các biện pháp cấp bách phòng cháy, chữa cháy

rừng. Các tỉnh phía Bắc tích cực khai thác gỗ theo kế hoạch, các tỉnh phía Nam tiếp tục chăm sóc diện tích rừng đã trồng, chuẩn bị cho trồng rừng cuối năm và tập trung phòng chống cháy rừng. Lũy kế 8 tháng, diện tích trồng rừng mới tập trung ước đạt 152,9 nghìn ha, tăng 14,9% so với cùng kỳ; sản lượng gỗ khai thác ước đạt 11.085,2 nghìn m3, tăng 5,1%; sản lượng củi khai thác ước đạt 12,9 triệu ste, giảm 0,4%. Tính đến ngày 17/8, cả nước đã thu được 2.062,76 tỷ đồng tiền dịch vụ môi trường rừng, đạt 74% kế hoạch năm 2021 và tăng 54% so với cùng kỳ năm 2020.

5. Một số lĩnh vực khác

a) Về phát triển HTX

Đến hết tháng 8/2021, cả nước có 78 liên hiệp HTX và 17.821 HTX nông nghiệp và 19.667 trang trại. Đã có 4.028 HTX nông nghiệp tham gia liên kết với 1.867 doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Số doanh nghiệp nông nghiệp thành lập mới 821 doanh nghiệp, giảm khoảng 16,8% so với cùng kỳ năm 2020, nhưng về vốn bình quân mỗi doanh nghiệp đăng ký thành lập mới đạt 19,70 tỷ đồng, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm 2020; nâng tổng số lên 13.511 doanh nghiệp, tăng 6,6% so với cùng kỳ năm 2020.

b) Về chế biến nông sản

Hiện ngành chế biến NLTS thu hút trên 1,6 triệu lao động làm việc tại 7.500 cơ sở chế biến quy mô công nghiệp; trong 3 năm gần đây có trên 65 tổ hợp chế biến công nghệ tiên tiến với tổng số vốn hơn 56.000 tỷ đồng gắn với vùng nguyên liệu lớn, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm NLTS.

Bộ Nông nghiệp và PTNT đang tập trung triển khai xây dựng và thực hiện các đề án trọng tâm: (i) Phát triển ngành chế biến rau quả giai đoạn 2021-2030; (ii) Phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045; (iii) Đề án phát triển ngành chế biến thủy sản giai đoạn 2021-2030.

c) Về quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm

Chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương, doanh nghiệp duy trì tổ chức sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản đảm bảo phòng chống COVID-19, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản. Đồng thời, tập trung nguồn lực tiếp tục nhân rộng số lượng, mở rộng quy mô chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản an toàn: Tính đến thời điểm hiện nay 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã phát triển được 1.644 chuỗi, 2.346 sản phẩm và 1.085 địa điểm bán sản phẩm đã kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm theo chuỗi. Phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản trong các chuỗi, có sự tham gia của trên 120 hợp tác xã, 310 công ty.

Áp dụng các biện pháp hỗ trợ về thủ tục hành chính như chuyển hầu hết thủ tục hành chính liên quan đến chứng nhận xuất khẩu, chỉ định phòng kiểm nghiệm qua hình thức trực tuyến (văn bản số 4220/BNN-QLCL ngày 6/7/2021), văn bản gửi CQTQ các nước nhập khẩu đề nghị chấp thuận bản scan giấy chứng nhận, chứng thư, giấy xác nhận, thay cho bản giấy; Tổ chức mô hình 3 tại chỗ

cho phòng kiểm nghiệm nông lâm thủy sản phục vụ xuất khẩu; Hướng dẫn chỉ đạo các Sở Nông nghiệp và PTNT chuyển thủ tục hành chính quản lý an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất qua hình thức trực tuyến.

d) Về phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới

Tính đến cuối tháng 8, cả nước có 5.338/8.233 xã (64,84%) đạt chuẩn nông thôn mới; có 396 xã đạt chuẩn NTM nâng cao và đã có 43 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, bình quân cả nước đạt 16,68 tiêu chí/xã; có 196/664 đơn vị cấp huyện thuộc 52 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới; 12 tỉnh đã có 100% số xã đạt chuẩn NTM; 04 tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Có 61 tỉnh/thành phố đánh giá, phân hạng và có quyết định công nhận cho 4.939 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên, trong đó 62,2% sản phẩm 3 sao; 36,1% sản phẩm 4 sao và 1,7% sản phẩm tiềm năng 5 sao của 2.708 chủ thể tham gia.

Nhìn chung, *sản xuất nông nghiệp 8 tháng đầu năm 2021 cơ bản chủ động được nhu cầu lương thực, thực phẩm hiện tại của người dân các địa phương trên cả nước. Tuy nhiên, vẫn còn rất nhiều khó khăn vướng mắc cần tháo gỡ, nhất là trong khâu lưu thông, vận chuyển sản phẩm nông sản và vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp để chuẩn bị cho vụ sản xuất tiếp theo, đảm bảo cung ứng đủ cho tiêu dùng trong nước những tháng cuối năm 2021, đầu năm 2022 và một phần cho xuất khẩu trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19.*

II. TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

1. Kết quả xuất khẩu nông sản

Tháng 8, kim ngạch XK ước đạt gần 3,4 tỷ USD, giảm 21,6% so với tháng 8/2020 và giảm 22,0% so với tháng 07/2021. Lũy kế 8 tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng NLTS ước đạt trên 60,9 tỷ USD, trong đó xuất khẩu (XK) ước đạt 32,13 tỷ USD, tăng 21,6% so với cùng kỳ năm ngoái; nhập khẩu (NK) ước khoảng 28,8 tỷ USD, tăng 44,1%; xuất siêu nông sản chỉ đạt khoảng 3,35 tỷ USD, giảm 48,2% so với cùng kỳ năm trước.

Kim ngạch xuất khẩu nông sản đã đạt được tốc độ tăng trưởng khá trong 6 tháng đầu năm 2021. Tuy nhiên, bắt đầu từ tháng 7 do dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh ở nhiều địa phương, đặc biệt là các tỉnh trọng điểm về nông nghiệp phía Nam nên việc áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch đã ảnh hưởng tiêu cực đến việc sản xuất, thu hoạch, chế biến, tiêu thụ xuất khẩu nhiều nông sản có dấu hiệu sụt giảm khá mạnh .

a) Về giá trị xuất khẩu nông sản

Xuất khẩu nhóm nông sản chính ước đạt trên 13,9 tỷ USD, tăng 13,6%; lâm sản chính đạt khoảng 11,2 tỷ USD, tăng 42,7%; thủy sản đạt trên 5,6 tỷ USD, tăng 7,1%; chăn nuôi ước đạt 296 triệu USD, tăng 15,9%. Tính chung 8 tháng, nhiều

sản phẩm có giá trị xuất khẩu tăng (gồm: cà phê, cao su, nhóm hàng rau quả, hồ tiêu, hạt điều, sắn và sản phẩm từ sắn, sản phẩm chăn nuôi, cá tra, tôm; sản phẩm gỗ; mây, tre, cói thảm; quế). Trong đó, cao su, hạt điều, sắn và sản phẩm từ sắn, tăng cả khối lượng và giá trị xuất khẩu, cụ thể: Cao su (+23,3% khối lượng, +61,4% giá trị), hạt điều (+19,2%, +15,1%), sắn và sản phẩm từ sắn (+13,4%, +28,4%). Những mặt hàng khác tăng giá trị chủ yếu nhờ khối lượng, cụ thể: Sản phẩm chăn nuôi (+15,9%), cá tra (+9,9%), tôm (+7,7%); sản phẩm gỗ (+45,4%), mây, tre, cói thảm (+68,1%); quế (+36,6%)

b) Về cơ cấu thị trường xuất khẩu

Cơ cấu thị trường xuất khẩu trọng điểm: khu vực châu Á (chiếm 41,5% thị phần), châu Mỹ (31,3%), châu Âu (11,3%), châu Phi (1,9%), châu Đại Dương (1,5%). Thị trường xuất khẩu lớn nhất là Hoa Kỳ đạt trên 9,3 tỷ USD (chiếm 29,1% thị phần); tiếp đến là thị trường Trung Quốc gần 6,1 tỷ USD (chiếm 18,9% thị phần); EU đạt gần 2,6 tỷ USD (chiếm 8,1%); Nhật Bản đạt trên 2,2 tỷ USD (chiếm 6,8%); Hàn Quốc đạt trên 1,4 tỷ USD (chiếm 4,3%).

c) Về nhập khẩu nông sản

Trong 8 tháng đầu năm, kim ngạch NK các mặt hàng NLTS ước khoảng 28,8 tỷ USD, tăng 44,1% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, giá trị NK các mặt hàng nông sản chính ước đạt 17,8 tỷ USD, tăng 57,7%; nhóm sản phẩm chăn nuôi đạt trên 2,5 tỷ USD, tăng 6,6%; nhóm hàng thủy sản ước khoảng 1,4 tỷ USD, tăng 19,3%; nhóm lâm sản chính khoảng 2,2 tỷ USD, tăng 38,3%; nhóm đầu vào sản xuất gần 5,0 tỷ USD, tăng 36%. Campuchia là thị trường XK nông sản xuất sang Việt Nam lớn nhất đạt 2,9 tỷ USD, chiếm 10,0% thị phần (trong đó mặt hàng điều chiếm 72,2% giá trị); tiếp theo là Hoa Kỳ đạt trên 2,7 tỷ USD, chiếm 9,3% (mặt hàng bông chiếm 36,3% tỷ trọng); đứng thứ 3 là thị trường Trung Quốc đạt trên 2,1 tỷ USD, chiếm 7,3% tổng giá trị nhập khẩu nông sản 8 tháng đầu năm của Việt Nam.

Nhìn chung, *8 tháng đầu năm 2021, Việt Nam đạt kim ngạch xuất khẩu 32,13 tỷ USD nhờ những nỗ lực, quyết tâm cao của Chính phủ, các bộ ngành; đặc biệt là sự nỗ lực, chủ động vượt khó của doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng tận dụng xu hướng phục hồi các hoạt động, dịch vụ, tiêu dùng từ các thị trường trọng điểm (Hoa Kỳ, EU) do tỷ lệ tiêm vaccine cao. Tuy nhiên, mục tiêu xuất khẩu nông sản cả năm 2021 khoảng 44 tỷ USD như kế hoạch đặt ra là một thách thức rất lớn nếu dịch bệnh diễn biến phức tạp.*

2. Tình hình một số thị trường xuất khẩu trọng điểm

a) Thị trường Hoa Kỳ

Tổng giá trị thương mại nông sản 2 chiều giữa Việt Nam và Hoa Kỳ liên tục tăng trong giai đoạn 2010 - 2020 với tốc độ tăng trưởng bình quân 12,8%/năm. Trong đó: Giá trị nhập khẩu của Việt Nam từ Hoa Kỳ tăng 11,81%/năm và xuất khẩu tăng 13,11%/năm. Đến năm 2020, xuất khẩu nông lâm thủy sản vào Hoa Kỳ đạt 11,1 tỷ USD chiếm 26,2% và Hoa Kỳ chính thức trở thành thị trường xuất khẩu số 1 của nông sản Việt Nam và giá trị nhập khẩu nông sản từ Hoa Kỳ vào

Việt Nam đạt 3,32 tỷ USD chiếm 11% thị phần. Trong 8 tháng đầu năm 2021, mặc dù chịu sự tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 nhưng tổng giá trị nhập khẩu nông sản từ Hoa Kỳ vẫn đạt 2,6 tỷ USD, tăng 16,4% và đặc biệt giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt mức tăng trưởng ấn tượng, đạt 9,3 tỷ USD, tăng 47,1% so với cùng kỳ 2020.

b) Thị trường các nước Liên minh châu Âu (EU)

Tận dụng có hiệu quả tác động tích cực của Hiệp định EVFTA, theo đó 65% hàng xuất khẩu của EU sang Việt Nam và 71% hàng xuất khẩu của Việt Nam sang EU sẽ được miễn thuế nhập khẩu, trong 8 tháng đầu năm 2021, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu nông lâm thủy sản Việt Nam - EU đạt gần 2,6 tỷ USD, tăng 9,5% so với cùng kỳ; nhập khẩu nông sản từ EU đạt hơn 645 triệu USD, tăng 19,1% so với cùng kỳ.

c) Thị trường các nước khu vực ASEAN

Trong 8 tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản sang thị trường ASEAN ước đạt 2,3 tỷ USD, giảm 2,3%; nhập khẩu từ các nước ASEAN đạt 4,9 tỷ USD, tăng 151,5% so với cùng kỳ 2020.

d) Thị trường Trung Quốc

Trong 8 tháng đầu năm, xuất khẩu nông sản ước đạt trên 6 tỷ USD tăng 21,7% so với cùng kỳ 2020, nhập khẩu đạt 2,1 tỷ USD, tăng 50,3% so với cùng kỳ 2020. Theo Tổng cục Hải quan, chi tiết xuất khẩu các mặt hàng NLTS như sau:

- *Kim ngạch 09/11 nhóm mặt hàng xuất khẩu* 07 tháng đầu năm 2021 tăng so với cùng kỳ năm 2020 bao gồm: rau quả đạt 1,3 tỷ USD tăng 15,6%; gạo đạt 338 triệu USD tăng 15,3%; hạt điều đạt 336 triệu USD tăng 80,2%; cà phê đạt 71 triệu USD tăng 49,5%; chè đạt 10 triệu USD tăng 60,6%; cao su đạt xấp xỉ 1 tỷ USD tăng 62,8%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 923 triệu USD tăng 24,8%; sắn và sản phẩm sắn đạt 636 triệu USD tăng 28,3%; thức ăn gia súc đạt 221 triệu USD tăng 108,9%. Riêng mặt hàng thủy sản đạt 521 triệu USD giảm 10,7% so với cùng kỳ năm 2020.

- *Về nhập khẩu nông lâm thủy sản từ Trung Quốc vào Việt Nam*: có 8/9 nhóm mặt hàng có kim ngạch tăng bao gồm: hàng rau quả đạt 236 triệu USD tăng 34,4%; hàng thủy sản đạt 102,7 triệu USD tăng 39 %; cao su đạt 131 triệu USD tăng 189,7%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 681 triệu USD tăng 71,4%; thuốc trừ sâu và nguyên liệu đạt 233 triệu USD tăng 21,5%; phân bón các loại đạt 340 triệu USD tăng 52%; thức ăn gia súc và nguyên liệu đạt 133 triệu USD tăng 23,4%; chỉ có mặt hàng bông các loại đạt 0,85 triệu USD giảm 25,7% so cùng kỳ năm 2020.

III. MỘT SỐ KHÓ KHĂN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU TRONG NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM 2021

Năm 2021, ngành nông nghiệp đang đứng trước những thách thức lớn: sản xuất nông nghiệp cơ bản vẫn nhỏ lẻ, hạ tầng nông nghiệp còn yếu kém, chế biến thô là chủ yếu, kết gắn theo chuỗi tỷ lệ chưa cao; chất lượng, bảo đảm an toàn thực phẩm còn thấp nên năng lực cạnh tranh của ngành còn hạn chế; thị trường tiêu thụ

chịu tác động chiến tranh thương mại giữa các nước lớn; dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, đã ảnh hưởng đến sản xuất- kinh doanh, xuất nhập khẩu, cũng như tiêu thụ trong nước. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu ngày càng rõ nét, cực đoan hơn, thiên tai khó lường, hạn hán và xâm nhập mặn được dự báo tiếp tục tác động tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 làm sản xuất, lưu thông, xuất khẩu nông sản còn có nhứng khó khăn như:

1. Nguồn vốn: Phần lớn người sản xuất, doanh nghiệp chế biến nông sản gặp khó khăn, thiếu hụt vốn để duy trì sản xuất kinh doanh do tồn đọng nhiều sản phẩm không tiêu thụ được, lưu thông hàng hóa khó khăn nên sản phẩm quá lứa, quá thời gian thu hoạch, bị hư hỏng, ứ đọng; chi phí sản xuất phát sinh quá lớn (các doanh nghiệp gỗ tăng khoảng 20-30%), nhiều doanh nghiệp khó khăn trong việc duy trì sản xuất, thậm chí một bộ phận người dân, doanh nghiệp phải dừng sản xuất, kinh doanh do không đủ nguồn lực để chi trả các khoản vay đến hạn, tái đầu tư; việc tiếp cận các khoản vay mới từ các tổ chức tín dụng gặp nhiều khó khăn;

2. Lưu thông: Trong thời gian qua dưới sự chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Văn Thành, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và PTNT, các bộ ngành có nhiều văn bản hướng dẫn kịp thời, tháo gỡ khó khăn, ách tắc,…, vận chuyển lưu thông hàng hóa đã có chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, theo báo cáo của Bộ GTVT và phản ánh của các doanh nghiệp sản xuất nông sản việc vận chuyển hàng hóa, vật tư, sản phẩm ra vào khu vực sản xuất vẫn gặp khó khăn tại các huyện, xã, thôn bản; việc hướng dẫn di chuyển, đi lại cho người lao động tại một số địa phương còn chưa sát thực tế. Một số chốt kiểm tra ở một vài thời điểm vẫn bị ùn tắc giao thông dẫn đến vận chuyển hàng tươi sống không được thuận lợi. Một số địa phương (4 tỉnh) còn quy định không cho xe ngoài tỉnh vào và hàng hóa phải sang xe rất khó khăn cho việc bốc vác, tăng nhiều chi phí (trọng tải 10-20 tấn đặc biệt là động vật sống). Có địa phương bắt buộc lái xe và người ngồi trên xe phải đã tiêm phòng và phải có kết quả phân tích PCR không chấp nhận test nhanh.

3. Việc triển khai thực hiện "3 tại chỗ" tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chế biến, giết mổ gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, phát sinh chi phí lớn; nhiều doanh nghiệp không thể bố trí đủ cơ sở vật chất để thực hiện sản xuất, kinh doanh theo phương thức này. Việc triển khai "3 tại chỗ" còn chưa phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng địa phương, khu vực, các đối tượng và lĩnh vực sản xuất.

4. Về lao động: Nhân lực phục vụ sản xuất, chế biến nông sản tại các nhà máy gặp khó khăn do một lực lượng lao động lớn trở về địa phương khi thực hiện giãn cách xã hội. Việc tuyển dụng lại lao động phục vụ sản xuất, kinh doanh sau giai đoạn giãn cách sẽ rất khó khăn cho doanh nghiệp.

5. Việc xuất hiện các trường hợp F0 tại các cơ sở sản xuất, chế biến khiến nhiều doanh nghiệp phải dừng hoạt động để đảm bảo không lây lan dịch bệnh hoặc do nằm trong khu vực phải cách ly, phong tỏa, dẫn đến tình trạng đứt gãy các chuỗi sản xuất, cung ứng. Hơn nữa, nhiều doanh nghiệp không có nhân

viên y tế nên gặp khó khăn trong thực hiện mục tiêu kép, phát sinh các chi phí y tế lớn khiến doanh nghiệp càng khó khăn.

6. Chi phí vận chuyển hàng hóa tăng cao: Nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong quá trình vận chuyển vật tư, sản phẩm nông sản ra vào khu vực sản xuất, nơi các địa phương đang thực hiện giãn cách xã hội. Chi phí vận tải biển tăng cao lên 6-7 lần, thậm chí đến 10-13 lần ở một số chặng mà doanh nghiệp không đặt được tàu và công-ten-nơ để xuất khẩu. Việc thực hiện hướng dẫn cấp giấy đi đường cho người lao động, hướng dẫn tại một số địa phương còn chưa sát thực tế, gây khó khăn cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

7. Chi phí nguyên liệu và vật tư đầu vào: Giá thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật liên tục tăng, Giá vật tư như thức ăn chăn nuôi, thủy sản tăng từ 16-30%; Chi phí điện, nước cho sản xuất, kho lạnh, chi phí lưu kho và nhiều chi phí khác tăng. Nhiều doanh nghiệp dừng sản xuất vẫn phải tiếp tục đóng các khoản chi phí (lương cho công nhân khi nghỉ dịch bệnh, chi phí test covid, phí công đoàn, BHXH). Trong khi đó, giá sản phẩm nông sản giảm sâu khiến sản xuất và thương mại của ngành nông nghiệp, giảm sút cả về lượng và giá trị, giá bán sản phẩm có loại chỉ bằng 30% giá thành.

8. Nhu cầu tiêm vac-xin cho công nhân sản xuất, chế biến, thu hái, đóng gói, thu mua, vận chuyển lưu thông hàng hóa rất cao, nhưng hiện vac-xin chỉ mới đáp ứng được 10 -15% cho mũi thứ nhất.

9. Khu vực HTX nông nghiệp bị tác động nặng nề. Đến nay có 80-90% số HTX nông nghiệp tại các địa phương thực hiện giãn cách đã bị giảm doanh thu, trong đó khoảng 30% số HTX giảm từ 50% đến 70% doanh thu; 40% số HTX giảm từ 30% đến 50% và 20% còn lại ít bị ảnh hưởng hơn. Khoảng 1/2 lao động thường xuyên của HTX bị giảm hoặc cắt lương.

10. Về khó khăn cụ thể một số ngành hàng nông nghiệp trọng điểm

a) Ngành trồng trọt

- Tình hình thu hoạch và tiêu thụ lúa gạo ở ĐBSCL được các Bộ ngành, địa phương tích cực vào cuộc tháo gỡ khó khăn mua, vận chuyển, chế biến, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn như tồn đọng lúa gạo do các doanh nghiệp khó khăn trong chế biến, xuất khẩu, tiêu thụ, dẫn đến tiêu thụ chậm, giá lúa giảm. Giãn cách xã hội tác động tiêu cực tới ngành hàng cây ăn quả như giảm sức mua, tiêu thụ nội địa, xuất khẩu khó khăn, một số vùng thương lái ngừng thu mua do không tiếp cận được vùng sản xuất, phương tiện vận chuyển thiếu, chi phí cao, thị trường Trung Quốc siết chặt kiểm soát dịch bệnh, các thị trường khác thiếu tàu vận chuyển, container... dẫn đến giá trái cây thấp, một số nơi có tình trạnh thừa ế không tiêu thụ được.

- Trong lĩnh vực trồng trọt nhiều hộ nông dân khu vực phía Nam, vùng thực hiện giãn cách xã hội thiếu tiền vốn để mua giống, vật tư, thuê nhân công, máy móc phục vụ sản xuất, người dân không mặn mà sản xuất các vụ tiếp theo hoặc không đủ tiền đầu tư cho tái sản xuất dẫn đến kế hoạch sản xuất lúa, rau màu, cây ăn quả các tháng cuối năm 2021 và đầu năm 2022 không đảm bảo, rất

có thể dẫn đến thiếu hụt lương thực, thực phẩm nếu không có giải pháp tháo gỡ, hỗ trợ phù hợp,

b) Ngành chăn nuôi

Khâu giết mổ, chế biến hoặc sơ chế chịu sự quản lý chặt về điều kiện sản xuất, gây tắc nghẽn hoạt động sản xuất kinh doanh; phát sinh các chi phí chăn nuôi khi không xuất chuồng được; giá TACN (chiếm 65-70% giá thành sản phẩm) và thuốc thú y ngày một tăng cao; mức độ tiêu thụ sản phẩm gia súc, gia cầm (ngoại trừ mặt hàng trứng gia cầm) gặp rất nhiều khó khăn trong vận chuyển, nhu cầu tiêu thụ thực phẩm giảm nhiều (khối khu công nghiệp, trường học, bếp ăn tập thể, khách sạn, nhà hàng không hoạt động; một số nhà máy giết mổ, chế biến có người bị Covid phải đóng cửa...) đặc biệt là Hà Nội và TPHCM; mức độ tiêu thụ thực phẩm giảm 30 - 40%, có loại giảm tới 70% như gà công nghiệp; trang trại và hộ chăn nuôi hạn chế tái đàn vì giá tiêu thu sản phấp thấp, giá đầu vào tăng, nguy cơ thiếu hụt nguồn cung trong nước về thực phẩm vào các tháng cuối năm. Một số sản phẩm giống không được lưu thông, như tinh gia súc ở 14 tỉnh khu vực ĐNB và ĐBSCL không cho vận chuyển, sẽ rất khó khăn cho việc phối giống để tái đàn trong giai đoạn sắp tới.

c) Ngành thủy sản

Với nhiều lý do khác nhau, chỉ có 30% doanh nghiệp chế biến thủy sản phía Nam hoạt động với công suất trung bình giảm còn 30-35%; nguyên liệu thủy sản phục vụ chế biến, xuất khẩu chỉ đạt 40-50% so với nguồn nguyên liệu bên ngoài. Hiện tại, có 15 nhà máy thức ăn cho thủy sản, 120 nhà máy chế biến thủy sản có ca F0 phải dừng hoạt động.

Dự báo nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất những tháng cuối năm thiếu hụt 20-30% do giảm khai thác, thả giống, nhập khẩu; vật tư phục vụ chế biến thu hẹp, giảm công suất nguồn cung đến 50%;

Việc bốc dỡ, mua bán, đặc biệt là khâu vận chuyển thủy sản với các tỉnh khác gặp khó khăn, dẫn đến tiêu thụ thủy sản khai thác chậm, đứt gẫy. Giá sản phẩm thủy sản giảm 15-20% so cùng kỳ. Các dịch vụ cung ứng hậu cần nghề cá (bao gồm sửa chữa tàu, máy móc, cung cấp dầu, nước đá, thực phẩm) gặp nhiều khó khăn, không kịp thời và đáp ứng đầy đủ.

d) Ngành chế biến gỗ

Hiện nay, ngành chế biến gỗ có trên 5.700 doanh nghiệp chế biến, trong đó có khoảng 2.100 doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu. Theo báo cáo nhanh của Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam, đến thời điểm này đã có hơn 50% doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu tại các tỉnh phía Nam (TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương) phải ngừng và giảm sản xuất do phải giãn cách, thiếu hụt lao động, chi phí sản xuất tăng (chi phí xét nghiệm vắc xin, chi phí logistic, chi phí duy trì “3 tại chỗ”).

11. Về khó khăn trong xuất khẩu nông sản

a) Đối với các thị trường trọng điểm

- *Tình trạng thiếu container rỗng, tăng giá cước vận tải* đã tác động đến tiến độ xuất khẩu sang Hoa Kỳ, EU, Đông Bắc Á cũng như nhập khẩu nguyên liệu (thủy sản, điều, gỗ) để phục vụ chế biến xuất khẩu;

- *Các khó khăn kéo dài của doanh nghiệp phải đối mặt từ khi dịch Covid-19 bùng phát vẫn chưa được xử lý triệt để như*: *(i)* Việc tiếp cận các gói tín dụng hỗ trợ còn hạn chế; *(ii)* Cần có sự điều chỉnh để tạo điều kiện cho xuất khẩu như chính sách thuế giá trị gia tăng (diện mặt hàng chịu thuế, thời gian, thủ tục hoàn thuế), chính sách thuế nhập khẩu đối với một số nguyên phụ liệu; *(iii)* Chi phí của nền kinh tế còn cao (chi phí lãi suất, chi phí vận tải, mức thu các loại phí cảng còn cao) làm giảm tính cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu; *(iv)* Việc vận chuyển nông sản và vật tư đầu vào vẫn còn gặp khó khăn, bất cập làm tăng chi phí; *(v)* Nguy cơ thiếu nguyên liệu phục vụ chế biến, xuất khẩu đã bắt đầu diễn ra, các nhà máy chế biến thiếu lao động, chi phí phát sinh cao khi thực hiện "3 tại chỗ", công suất chế biến chỉ đạt trung bình 30 – 40%, nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa do không đảm bảo điều kiện phòng chống dịch.

b) Đối với thị trường Trung Quốc

- *Về mở cửa thị trường,* Việt Nam đã làm tốt công tác đàm phán để cắt giảm thuế nhập khẩu theo Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc, tuy nhiên nhiều loại nông sản chủ lực, có lợi thế vẫn chưa được Trung Quốc cấp phép chính ngạch, mở cửa thị trường về kỹ thuật (sầu riêng, khoai lang, chanh leo, na, bưởi, tổ yến, sứa ướp muối, tôm sú, tôm thẻ ướp đá) để tận dụng các ưu đãi này.

- *Về thương mại nông sản đáp ứng đòi hỏi của Trung Quốc:* Trước hàng rào kỹ thuật về tiêu chuẩn, kiểm dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm của các nước nói chung và Trung Quốc nói riêng ngày càng cao, để phát triển xuất khẩu bền vững, các địa phương cần phải tổ chức lại sản xuất để đảm bảo nguồn hàng có chất lượng, giá trị gia tăng cao, đặc biệt là công tác truy xuất nguồn gốc, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch.

- *Về kho bãi,bảo quản,* hiện nay, hệ thống kho bãi tại cửa khẩu chưa đáp ứng được nhu cầu lưu hàng hóa xuất nhập khẩu, đặc biệt là hệ thống kho lạnh chưa được đầu tư. Thiết bị nâng, hạ, xếp dỡ, sang tải hàng hóa còn thiếu, đặc biệt là xếp dỡ hàng rời chủ yếu bằng thủ công là chính, gây ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá; cửa khẩu quốc tế đường sắt không phát huy được lợi thế do khác biệt về khổ đường ray.

- *Về thói quen kinh doanh:* Các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản, thủy sản vẫn duy trì thói quen buôn bán thời vụ, manh mún thông qua hình thức "trao đổi cư dân biên giới", về lâu dài chưa phù hợp trước sự thay đổi quyết liệt của bạn.

- *Về thông quan tại cửa khẩu:* Trung Quốc tăng cường kiểm soát chặt chẽ, nghiêm ngặt khu vực cửa khẩu biên giới đất liền để phòng, chống dịch Covid-19 tác động đến tiến độ thông quan hàng hóa của Việt Nam sang thị trường này.

IV. KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM 2021

Để cho ngành Nông nghiệp và PTNT hoàn thành kế hoạch sản xuất Nông lâm thủy sản trong bối cảnh dịch Covid-19 còn diễn biến phức tạp; đảm bảo chủ động nguồn cung lương thực – thực phẩm phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu những tháng cuối năm đặc biệt là dịp Tết Nguyên đán, Bộ Nông nghiệp và PTNT kiến nghị Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương phối hợp tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong sản xuất, chế biến, lưu thông, xuất nhập khẩu nông lâm thủy sản và vật tư nông nghiệp cụ thể như sau:

1. Kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

(1) Xem xét giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2021 và 6 tháng năm 2022; giảm thuế nhập khẩu nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thủy sản, vật tư đầu vào; giảm thuế bảo vệ môi trường. Gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng; giảm tiền thuê đất của năm 2021-2022 cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi đại dịch.

(2) Chỉ đạo xây dựng cơ chế mở cửa hoạt động xã hội đối với những người dân đã được tiêm đủ 1 mũi và 2 mũi vắc xin ở các tỉnh, thành phố để có lao động duy trì sản xuất, lưu thông và tiêu thụ hàng hóa nông sản. Các lái xe và người trên xe sau khi đã được tiêm phòng 2 mũi vắc xin thì có thể miễn xét nghiệm hoặc kéo dài thời gian xét nghiệm 1 tháng/lần, để giảm chi phí vận chuyển và tạo điều kiện cho lưu thông.

(3) Chỉ đạo các địa phương rà soát lại việc thực hiện "Ba tại chỗ" để phù hợp với thực tiễn từng loại hình doanh nghiệp. Phải có các quy định phù cho các cơ sở giết mổ và chế biến khó thực hiện "Ba tại chỗ" có thể định kỳ test nhanh người lao động trực tiếp làm việc.

(4) Có chính sách mạnh mẽ nhằm khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở thu mua chế biến hàng nông sản; doanh nghiệp liên kết với các HTX tập trung, các vùng nguyên liệu để đẩy mạnh chế biến, chế biến sâu. Xem xét gói hỗ trợ để khôi phục sản xuất đối với nông dân trực tiếp sản xuất gặp khó khăn do Covid-19 đối với các địa phương thực hiện giãn cách xã hội.

(5) Có chỉ thị các bộ ngành, địa phương tăng cường sản xuất, lưu thông hàng hóa và xuất khẩu nông sản.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(1) Chỉ đạo các địa phương rà soát, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cho sản xuất vụ tiếp theo (giống cây trồng, vật nuôi, máy móc thiết bị, vật tư,…) để xây dựng kế hoạch, phương án tổ chức sản xuất cụ thể trong mọi tình huống; Các địa phương đã khống chế được dịch covid-19 cần đẩy mạnh phát triển sản xuất, tiêu thụ, xuất khẩu nông sản để hỗ trợ và bù đắp lại phần thiếu hụt cho các tỉnh phía Nam khi dịch covid-19 chưa được khống chế.

(2) Chỉ đạo, phối hợp với địa phương, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp tập trung, liên kết chặt chẽ với các vùng nguyên liệu, đẩy mạnh chế biến, chế biến sâu bảo quản, nâng cao giá trị gia tăng.

(3) Thúc đẩy sản xuất theo chuỗi sản phẩm, xây dựng mã định danh, mã số vùng trồng, truy xuất được nguồn gốc sản phẩm, đảm bảo an toàn thực phẩm. Phối hợp các chuỗi phân phối trong nước, Hiệp hội các nhà bán lẻ Việt Nam tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh quảng bá trực tuyến tiêu thụ trong nước, ưu tiên tiêu thụ sản phẩm nông sản tại địa phương trong điều kiện dịch Covid-19.

(4) Chủ trì, phối hợp Bộ Ngoại giao, Bộ Công thương thúc đẩy mở cửa thị trường, bổ sung các sản phẩm xuất khẩu sang Trung Quốc (sầu riêng, khoai lang, chanh leo, na, bưởi, tổ yến) vào nội dung các cuộc đàm phán Lãnh đạo cấp cao giữa hai nước để đẩy nhanh tiến độ; đề nghị Tổng cục Hải quan Trung quốc duy trì công nhận các vùng trồng, vùng nuôi, cơ sở bao gói, chế biến nông sản, thủy sản đã được Trung Quốc cho phép xuất khẩu sau thời điểm Lệnh 248, Lệnh 249 có hiệu lực.

(5) Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp thực hiện đáp ứng các quy định của phía Trung Quốc tại Lệnh 248, Lệnh 249 có hiệu lực từ 01/01/2022; hướng dẫn đăng ký xuất khẩu vào Trung Quốc theo qui định mới về đảm bảo về tem nhãn, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn vùng trồng, kiểm nghiệm, kiểm dịch, quy cách đóng gói, chất lượng, chủng loại nông sản.

3. Bộ Công Thương

(1) Về thị trường trong nước:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT, các địa phương xem xét mở lại chợ truyền thống, chợ đầu mối để đảm bảo lưu thông, tiêu thụ nông sản, đặc biệt là các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi từ các địa phương. Bố trí các vùng đệm, trạm trung chuyển để tập kết hàng hoá từ ngoại tỉnh chuyển về dưới sự kiểm tra, giám sát của lực lượng liên ngành. Đa dạng hoá kênh phân phối sản phẩm nông sản, phát triển mạnh các sàn thương mại điện tử nhằm giảm áp lực kênh phân phối là siêu thị, cửa hàng tiện lợi. Tổ chức kết nối các HTX, tổ hợp tác, trang trại, doanh nghiệp chăn nuôi mở rộng thị trường, đưa sản phẩm cung ứng trực tiếp thông qua hệ thống phân phối sẵn có.

- Hỗ trợ xúc tiến thương mại sản phẩm nông sản cho các địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội trong điều kiện Covid-19.

(2) Về thị trường xuất khẩu:

- *Thị trường xuất khẩu trọng điểm (Hoa Kỳ, EU, Asean, Đông Bắc Á): (i)* Chủ trì, phối hợp Bộ Nông nghiệp và PTNT, địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp tăng cường các biện pháp đổi mới công tác thông tin, đa đạng hóa công tác xúc tiến xuất khẩu nông, lâm thủy sản thông qua các sàn giao dịch thương mại điện tử; *(ii)* Nâng cao năng lực triển khai hoạt động XTTM trên môi trường số cho cộng đồng doanh nghiệp, hỗ trợ chuyển đổi số trong công tác XTTM; *(iii)* Cung cấp các thông tin thị trường nhập khẩu thông qua hệ thống Đại sứ quán, Thương vụ tại các nước; thông tin về nhu cầu tiêu thụ của các địa phương để triển khai hệ thống phân phối, tiêu thụ sản phẩm nông sản tại thị trường trong nước đạt hiệu quả cao; *(iv)* Xử lý có hiệu quả tình trạng thiếu container rỗng phục vụ xuất khẩu

sang Hoa Kỳ, EU, Đông Bắc Á và nhập khẩu nguyên liệu về để phục vụ chế biến xuất khẩu;

- *Thị trường Trung Quốc: (i)* Chỉ đạo các địa phương có vùng trồng trọng điểm phối hợp với các tỉnh biên giới với Trung Quốc điều tiết hợp lý lượng hàng hóa khi vào mùa vụ thu hoạch đưa lên các cửa khẩu nhằm tránh ùn ứ, bị ép giá, hư hỏng hàng hóa đặc biệt là nhóm trái cây mùa vụ; *(ii)* Phối hợp Bộ Ngoại giao trong việc thống nhất các cơ quan liên quan và địa phương phía Trung Quốc có cơ chế điều tiết phân luồng xuất khẩu nông sản chính ngạch theo các cửa khẩu quốc tế; *(iii)* Thúc đẩy tiêu thụ nông sản qua kênh phân phối của Trung Quốc thông qua hình thức trực tuyến, từ xa trong bối cảnh điều kiện dịch Covid-19.

4. Bộ Tài chính

Có biện pháp giảm thuế nhập khẩu nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, vật tư đầu vào, hỗ trợ tín dụng, lãi xuất ngân hàng cho các cơ sở sản xuất để giảm chi phí đầu vào cho sản xuất, hạn chế nguy cơ thiếu thực phẩm vào những tháng cuối năm 2021 và dịp Tết nguyên đán.

5. Ngân hàng Nhà nước

Xem xét xây dựng gói tín dụng đặc biệt cho khu vực nông nghiệp ứng phó với dịch COvid-19. Có chính sách tín dụng hỗ trợ cho người sản xuất chịu ảnh hưởng của dịch, đơn giản hóa các thủ tục hành chính cho vay, miễn giảm lãi suất cho vay, khoanh nợ, giãn nợ, nới lỏng các điều khoản trả nợ, đẩy nhanh xem xét các đơn xin vay, miễn lãi quá hạn các khoản vay.

6. Bộ Giao thông vận tải

(1) Tiếp tục chỉ đạo hệ thống giao thông vận tải xuyên suốt từ Trung ương tới địa phương, tạo điều kiện thuận lợi nhất trong việc vận chuyển nông sản, vật tư đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp; không để đứt gãy chuỗi sản xuất, chế biến, cung ứng và ứ đọng nông sản; thiết lập mở luồng xanh cho vận tải đường thủy, nhất là tại khu vực các cảng.

(2) Kiểm soát thực hiện chính sách về giá đối với vận chuyển hàng hóa. Chỉ đạo, tư vấn địa phương ban hành văn bản hướng dẫn phù hợp thực tế với tình hình của các doanh nghiệp.

(3) Xem xét, tạo điều kiện hỗ trợ cho hoạt động đi lại cấp thiết của các doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để duy trì sản xuất, xuất khẩu trong thời điểm hiện nay.

7. Bộ Lao động thương binh và xã hội

(1) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các địa phương trong thực hiện các chính sách an sinh xã hội đối với lao động tại các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp mất việc làm, không có bảo hiểm thất nghiệp; không để người lao động trong ngành nông nghiệp gặp khó khăn do dịch Covid-19 mà không được hỗ trợ.

(2) Xây dựng phương án lao động phục vụ cho các doanh nghiệp, địa phương duy trì và phục hồi sản xuất, tránh đứt gãy chuỗi sản xuất do thiếu lao động.

8. Bộ Y tế

(1) Phối hợp với các tỉnh thành chỉ đạo cơ quan chuyên rà soát, xây dựng phương án thực hiện "Ba tại chỗ" để hoạt động phù hợp với đặc thù của từng loại hình sản xuất của doanh nghiệp.

(2) Có hướng dẫn cụ thể khi người dân đã được tiêm đủ 2 mũi vắc xin ở các tỉnh, thành phố để có lao động duy trì sản xuất, lưu thông và tiêu thụ hàng hóa nông sản. Có thể miễn xét nghiệm hoặc kéo dài thời gian xét nghiệm 1 tháng/lần, để giảm chi phí vận chuyển và tạo điều kiện cho lưu thông.

(3) Xây dựng, hướng dẫn về phòng bệnh Covid-19 ở vùng xanh, giữa các vùng xanh để tạo điều kiện thuận lợi cho khôi phục sản xuất nông nghiệp.

9. Bộ Ngoại giao

(1) Chỉ đạo các Đại sứ quán, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tăng cường cập nhật thông tin sản xuất, thị trường, nhu cầu nhập khẩu nước sở tại cho các bộ ngành, địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp.

(2) Tiếp tục đẩy mạnh toàn diện ngoại giao vắc xin; xây dựng chiến lược ngoại giao kinh tế, hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, phục vụ xuất khẩu.

10. UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

***- Về sản xuất nông nghiệp**: (i)* Duy trì theo dõi, dự báo và lập kế hoạch sản xuất, tiêu thụ nhằm đảm bảo tăng trưởng ổn định, điều tiết được cung cầu hàng hóa nông sản phục vụ tại chỗ và cung cấp cho các tỉnh thành; *(ii)* Rà soát, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cho sản xuất vụ tiếp theo (giống cây trồng, vật nuôi, máy móc thiết bị, vật tư) để xây dựng kế hoạch, phương án tổ chức sản xuất cụ thể trong mọi tình huống; (iii) Đề nghị ưu tiên tiêm vaccin cho 100% nhân sự hoạt động trong thu hái, đóng gói, cơ sở chế biến nông sản.

- Về lưu thông*: *(i) Chỉ đạo giải quyết triệt để ách tắc trong vận chuyển vật tư, thiết bị đầu vào để sản xuất nông nghiệp và sản phẩm đầu ra của các cơ sở sản xuất, chế biến tại các tỉnh/thành phố đang thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 16; *(ii)* Tạo điều kiện cho lực lượng dịch vụ vận chuyển và người lao động trong các cơ sở sản xuất và nhà máy sản xuất chế biến lương thực, thực phẩm thiết yếu, người lao động tại các cơ sở chăn nuôi, chế biến giết mổ, sản xuất thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y… được tiếp cận và tiêm vaccine phòng Covid 19 sớm nhất có thể để không làm đứt gãy chuỗi cung ứng, đơn giản hóa các thủ tục để hàng hóa nông sản được lưu thông thuận lợi trên địa bàn; *(iii)* Có chính sách hỗ trợ cho chủ xe, lái xe, phương tiện giao thông để giảm chi phí vận chuyển tạo điều kiện cho tiêu thụ nông sản được thuận lợi, đồng thời tạo điều kiện đưa các xe vận chuyển nông sản theo luồng xanh để thuận lợi cho vận chuyển, tiêu thụ nông sản và lưu thông vật tư nông nghiệp;

***- Về tiêu thụ nông sản**: (i)* Tiếp tục tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp, bà con nông dân thực hiện các quy định về phòng, chống và kiểm soát dịch bệnh hiệu quả; *(ii)* Tăng cường chỉ đạo các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý chặt chẽ đối với lái xe, người đi cùng phương tiện từ vùng trồng, vùng

sản xuất, cơ sở chế biến chở hàng tiêu thụ, xuất khẩu tuân thủ các quy định về phòng, chống dịch bệnh; *(iii)* Tích cực thực hiện Đề án "Đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến năm 2030" đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn của Bộ Công Thương; *(iv)* Quy hoạch và thu hút đầu tư để xây dựng các trung tâm logistics nông sản, kho lạnh nhằm phân loại, bảo quản, sơ chế, nâng cao giá trị và giữ được chất lượng nông sản, thủy sản, trái cây tươi trước khi tiêu thụ, xuất khẩu.

- Về xuất khẩu nông sản: Các địa phương biên giới có cửa khẩu đất liền *(i)* Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành, hướng dẫn địa phương hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn về kho bãi, bảo quản hàng hóa nông sản, dịch vụ vận tải, hậu cần thương mại tại cửa khẩu; *(ii)* Thành lập kho ngoại quan, kho bảo quản, dịch vụ thương mại điện tử tại các cửa khẩu thúc đẩy lưu thông, tiêu thụ hàng hóa nông sản xuất khẩu; *(iii)* Chủ động cập nhật kịp thời với các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội ngành hàng về tình hình hoạt động biên mậu, chính sách thương mại nông sản áp dụng của các địa phương biên giới của Trung Quốc; *(iv)* Phối hợp thông tin kịp thời cho các địa phương có vùng trồng, giảm tải phân luồng tránh ùn tắc xe vận chuyển nông sản; *(v)*Tăng cường kiểm soát chặt chẽ, nghiêm ngặt khu vực cửa khẩu biên giới đất liền để phòng, chống dịch Covid-19, đảm bảo thông quan xuất khẩu nông sản trong mọi tình huống.

10. Các Hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp

- Tích cực phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức các hoạt động tuyên truyền, thông tin, định hướng thị trường, xúc tiến thương mại; hỗ trợ nông dân, doanh nghiệp trong công tác đăng ký vườn trồng, cơ sở đóng gói, truy xuất nguồn gốc, v.v...

- Thống nhất, điều phối, hài hóa lợi ích doanh nghiệp để hỗ trợ giải quyết có hiệu quả với tình trạng ép cấp, ép giá trong hoạt động thương mại nông sản qua biên giới.

- Chủ động nắm bắt thông tin, thị hiếu và nhu cầu thị trường, quy định về tiêu chuẩn chất lượng và khuyến cáo của cơ quan chức năng; thay đổi một cách cơ bản về tư duy tiếp cận và nhìn nhận về tầm quan trọng của thị trường, phương thức xúc tiến thương mại, giao dịch, tổ chức sản xuất, đa dạng hóa hình thức vận chuyển xuất khẩu nông sảnc.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh lâu dài, mạng lưới phân phối, thương hiệu, mẫu mã, bao bì dành riêng và đăng ký bảo hộ tại các thị trường xuất khẩu; nâng cao trình độ nghiệp vụ thương mại, hiểu biết về ngôn ngữ văn hóa của thị trường.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT